

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 27/8/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 187/2025/TLST - HNGĐ, ngày 22/5/2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Tây Ninh (cũ: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Võ Huy N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk (cũ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Dung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Võ Huy N sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/4/2014. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Võ Huy N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung là Võ Huy Gia B, sinh ngày 05/7/2014. Sau ly hôn bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Nghĩa phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Huy N tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tiến hành mở phiên tòa nhưng ông Võ Huy N vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Huy N vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Võ Huy N.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc D. Cho bà Huỳnh Thị Ngọc D được ly hôn với ông Võ Huy N.

- Về con chung: Giao con chung cháu Võ Huy Gia B, sinh ngày 05/7/2014 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Ngọc D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Võ Huy N, đơn khởi kiện của bà D được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc D và ông Võ Huy N tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 05/4/2014, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hòa hợp để tiếp tục sống chung, nên từ năm 2018 cho đến nay ông N và bà D không còn sống chung với nhau. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc D, cho bà Huỳnh Thị Ngọc D được ly hôn với ông Võ Huy N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông N có 01 con chung là Võ Huy Gia B, sinh ngày 05/7/2014.

Xét, từ thời điểm sống ly thân 2018 cho đến nay con chung đang được bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, học tập bình thường, đồng thời con chung Võ Huy Gia B có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là bà Huỳnh Thị Ngọc D. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Võ Huy Gia B, sinh ngày 05/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc D.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc D được ly hôn với ông Võ Huy N.

[2]. Về con chung: Giao con chung cháu Võ Huy Gia B, sinh ngày 05/7/2014 cho bà Huỳnh Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Võ Huy N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2023/0001234, ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7- Đắk Lắk;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý

